

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 6-2019
V/v *Xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Thái
2. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 84/2019/TLST-HN ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2019/QĐST-HN ngày 24 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Văn M, sinh năm 1978; Trú tại ấp K, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1981; Trú tại ấp K, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh M có mặt, chị Q vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Huỳnh Văn M trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Q do mai mối , anh chị tự nguyện tiến đến hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện M (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre vào ngày 12-02-2011. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì vợ chồng mất hạnh phúc, nguyên nhân mất hạnh phúc là do cuộc sống kinh tế khó khăn nên vợ chồng hay cự cãi, do bất đồng quan điểm nên vợ anh đã bỏ đi và không về nhà từ tháng 9 năm 2013 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không có liên lạc gì với nhau.

Nay anh thấy tình cảm với chị Q không còn nên yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị Q.

Về con chung: có một con chung tên Huỳnh Nhật H, sinh ngày 10-4-2012. Hiện nay con đang sống với chị Q, khi ly hôn anh để con cho chị Q nuôi, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Chị Quyên vắng mặt nên không có trình bày.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình cụ thể chị Q vắng mặt trong các lần tòa mời.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Huỳnh Văn M. Anh M được ly hôn với chị Nguyễn Thị Q, con chung chị Q trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Nhật H, sinh ngày 10-4-2012, anh M không phải cấp nuôi con do chị Q không yêu cầu. Tài sản chung: Không có nên không xem xét; nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ pháp luật*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Xin ly hôn*” theo quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] *Thẩm quyền giải quyết*: Theo xác nhận của Công an xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre ngày 12-3-2019 xác nhận chị Nguyễn Thị Q hiện đang sinh sống và có mặt tại xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1

Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Chị Nguyễn Thị Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Quyên.

[3] *Về hôn nhân*: Anh Huỳnh Văn M và chị Nguyễn Thị Q kết hôn vào năm 2011, trên cơ sở quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Huỳnh Văn M, anh M cho rằng nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do cuộc sống kinh tế khó khăn nên vợ chồng hay cự cãi, do bất đồng quan điểm nên vợ anh đã bỏ đi và không về nhà từ tháng 9 năm 2013 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án anh M vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với chị Quyên. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mất hạnh phúc giữa anh M và chị Q thì ông Nguyễn Văn Q1 là cha chị Q cho biết khi con chung được khoảng 01 tuổi thì chị Q về nhà ông ở cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ông không rõ nhưng có nghe chị Q nói là có tranh cãi về việc xài tiền của hai vợ chồng. Tại đơn xin xác nhận ngày 09-4-2019 trưởng ấp K cho biết anh M và chị Q đã ly thân từ tháng 10 năm 2013 và chị Q không có ở bên nhà chồng là đúng sự thật về sống ruột ở cùng ấp. Như vậy, giữa anh M và chị Q mâu thuẫn là có thật. Chị Q đã được tòa án triệu tập họp lệ đến để tham gia hòa giải, xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến gì về việc anh xin ly hôn, chứng tỏ chị Q không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh chị là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ vợ chồng, thấy rằng mâu thuẫn giữa anh M và chị Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa hai anh chị không đạt được đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Văn M là có căn cứ.

[4] *Về con chung*: Anh chị có một con chung tên Huỳnh Nhật H, sinh ngày 10-4-2012. Hiện nay con đang sống với chị Q và gia đình chị Q, khi ly hôn anh M để con cho chị Q nuôi anh M không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản lấy ý kiến cháu H có nguyện vọng sống với chị Q, nên để đảm bảo về mặt tinh thần và thể chất cho H nên để cháu H cho chị Q nuôi là phù hợp. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Quyên không yêu cầu, trường hợp chị Q có yêu cầu được quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[5] *Về tài sản chung*: Anh M trình bày không có nên không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Anh M trình bày không có nên không xem xét.

[7] *Án phí ly hôn*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên anh M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Văn M.

Anh Huỳnh Văn M được ly hôn với chị Nguyễn Thị Q.

2. *Về con chung*: Chị Q trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Nhật H, sinh ngày 10-4-2012 anh M không phải cấp nuôi con do chị Q không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. cấp dưỡng nuôi con.

3. *Tài sản chung*: Anh M trình bày không có nên không xem xét.

4. *Nợ chung*: Anh M trình bày không có nên không xem xét.

5. *Án phí ly hôn*: Anh Huỳnh Văn M phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai

thu số 0000505 ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

6. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);
- UBND xã K (số 13.2011, quyền số 01.2010);
- Dương sự (02b);
- Lưu HS, VP (03b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Uyên